

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 241/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải
thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng
phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng
rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc
hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5
năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-
CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi
tiết thi hành Luật Đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày
15 tháng 7 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng
12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành
Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng
đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng,
đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 24/2019/TT-
BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản
quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ Tài
nguyên và Môi trường; số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 quy*

định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2022; Báo cáo số 175/BC-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2022; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2022, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận thu hồi đất của 183 công trình, dự án để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, với diện tích 792,3185 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 1 kèm theo)

2. Chấp thuận thu hồi đất của 18 công trình, dự án được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi đất nhưng đã quá thời hạn 03 năm mà chưa thực hiện, với diện tích 133,0087 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 2 kèm theo)

3. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 166 công trình, dự án, với diện tích 197,1323 ha (194,7813 ha đất lúa; 2,35 ha đất rừng phòng hộ).

(Chi tiết có Phụ lục số 3 kèm theo)

4. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của 10 công trình, dự án, với diện tích 52,742 ha (50,392 ha rừng sản xuất; 2,35 ha rừng phòng hộ).

(Chi tiết có Phụ lục số 4 kèm theo)

5. Chưa chấp thuận thu hồi đất của 87 công trình, dự án chưa được bố trí vốn thực hiện dự án, với diện tích 286,259 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 5 kèm theo)

6. Không thống nhất thu hồi đất của 16 công trình, dự án hạ tầng khu dân cư đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 2267-CV/VPTU ngày 14/3/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy, với diện tích 68,9255 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 6 kèm theo)

7. Chưa chấp thuận thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, chuyển mục đích sử dụng rừng của 21 công trình, dự án Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa xem xét cho ý kiến (06 dự án thu hồi đất diện tích 4,799 ha; 10 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa diện tích 14,5042 ha; 05 dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất diện tích 64,32 ha).

(Chi tiết có Phụ lục số 7,8,9 kèm theo)

8. Điều chỉnh địa điểm, địa danh của Dự án Khu đô thị mới Yên Sơn tại Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh năm 2022 từ “xã Yên Sơn” thành “xã Yên Sơn và thị trấn Hà Trung”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông Vận tải;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

Phu lục số 1:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẤP THUẬN THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 1, NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
	Tổng cộng:	792,3185			
I	Công trình, dự án khu dân cư đô thị	185,1241			
1	Khu dân cư và dịch vụ công cộng thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ xuân (hạng mục giao thông)	1,0	DGT	Thị trấn Thọ Xuân	Huyện Thọ Xuân
2	Khu xen cư Yên Trạch	0,63	ODT	Phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
3	Khu tái định cư thuộc khu đô thị sinh thái, khu du lịch ven sông Mã	6,18	ODT	Phường Quảng Cư	Thành phố Sầm Sơn
4	Hạ tầng khu Tái định cư (Mặt bằng khu dân cư phố 3)	0,7669	ODT	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
		0,6	DGT		
5	Điểm xen cư khu 9 phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	0,1	ODT	Phường Bắc Sơn	Thị xã Bim Sơn
		0,0004	DGT		
6	Khu xen cư Nam đường Trần Phú, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn	0,0638	ODT	Phường Ngọc Trạo	Thị xã Bim Sơn
		0,0422	DGT		
7	Khu xen cư Khu B tiểu học phường Ngọc Trạo, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn	0,1599	ODT	Phường Ngọc Trạo	Thị xã Bim Sơn
		0,1174	DGT		
8	Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 3	4,0565	ODT	Thị trấn triệu Sơn	Huyện triệu Sơn
		0,0717	DVH		
		0,3039	DKV		
		4,4403	DGT		
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Quảng Đông (MBQH số 938/QĐ-UBND)	1,625	ODT	Phường Quảng Đông	Thành phố Thanh Hoá
		0,209	DKV		
		0,0791	DVH		
		1,901	DGT		
10	Khu Dân cư Phù Lưu, Phường Quảng Thắng (MBQH số 1788/QĐ-UBND ngày 21/2/2022),	2,55	ODT	Phường Quảng Thắng	Thành phố Thanh Hoá
		2,26	DGT		
		0,3355	DKV		
11	Hạ tầng kỹ thuật khu xen cư phố Quang Trung, phường Đông Hương (MBQH số 1684/QĐ-UBND ngày 11/02/2022)	0,1582	ODT	Phường Đông Hương	Thành phố Thanh Hoá
		0,0519	DGT		
		0,0826	DKV		
12	Khu dịch vụ văn phòng thương mại và dân cư thuộc khu đô thị Đông Hương	4,703	ODT	Phường Đông Hải	Thành phố Thanh Hoá
13	Khu dân cư mới phường Đông Lĩnh (đồng Chộp 2)	2,28	ODT	Phường Đông Lĩnh	Thành phố Thanh Hoá
14	Hạ tầng kỹ thuật Quỹ đất xen kẹt tại phường Quảng Tâm(MBQH số 8186/QĐ-UBND ngày 31/8/2021)	0,4635	ODT	Phường Quảng Tâm	Thành phố Thanh Hoá
		0,3288	DGT		
		0,0036	DNL		
15	Hạ tầng kỹ thuật Quỹ đất xen kẹt tại phường Đông Hải	0,2672	ODT	Phường Đông Hải	Thành phố Thanh Hoá
		0,1838	DGT		
		0,0111	DKV		
16	Hạ tầng kỹ thuật Quỹ đất xen kẹt tại phường Đông Sơn (MBQH số 1789/QĐ-UBND ngày 21/02/2022)	0,0809	ODT	Phường Đông Sơn	Thành phố Thanh Hoá
		0,1045	DGT		
		0,0040	DKV		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
17	Khu dân cư mới phường Thiệu Khánh	7,4787	ODT	Phường Thiệu Khánh	Thành phố Thanh Hoá
		0,1759	DVH		
		0,8648	TMD		
		0,7784	DGD		
		1,5134	DKV		
		9,7175	DGT		
18	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đường Thanh Niên, thị trấn Tân Phong	0,5	ODT	Thị trấn Tân Phong	Huyện Quảng Xương
19	Khu dân cư số 2, phường An Hưng, thành phố Thanh Hoá	4,3968	ODT	Phường An Hưng	Thành phố Thanh Hoá
		3,73	TMD		
		0,1	DVH		
		1,2008	DKV		
		1,0018	DTL		
		8,6353	DGT		
20	Dự án số 2 thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố Thanh Hóa	12,5211	ODT	Phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hoá; phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hoá; thành phố Sầm Sơn
		6,5893	TMD		
		0,3562	NVH		
		1,7149	DGD		
		4,1037	DKV		
		22,8159	DGT		
21	Dự án số 01 thuộc Khu dân cư tái định cư xã Hoằng Lý, thành phố Thanh Hóa	13,738	ODT	Phường Tào Xuyên	Thành phố Thanh Hoá
		0,1963	NVH		
		3,8292	DKV		
		0,2887	DYT		
		2,7262	OHT		
		2,5873	DTL		
22	Dự án số 02 thuộc Khu dân cư tái định cư xã Hoằng Lý, thành phố Thanh Hóa	13,1342	DGT	Phường Tào Xuyên	Thành phố Thanh Hoá
		5,9209	ODT		
		2,1597	TMD		
		0,8657	NVH		
		2,2787	DGD		
		2,3347	DKV		
II	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn	10,6404	DGT		
1	Khu dân cư Cống Trên Tổng Tiểu thôn Phong Cốc xã Xuân Minh	369,0533		Xã Xuân Minh	Huyện Thọ Xuân
		1,0371	ONT		
		0,5	DGT		
2	Khu dân cư Sau Kho, Đồng Chuyên, Đồng Cát Xóm 26, 27, xã Xuân Tín (khu dân cư xóm 26,	0,1721	DKV	Xã Xuân Tín	Huyện Thọ Xuân
		0,63	ONT		
		0,19	DGT		
3	Khu dân cư thôn Hương I, Hương II, Phần Thôn xã Thọ Hải	0,58	ONT	Xã Thọ Hải	Huyện Thọ Xuân
		0,3661	DGT		
		0,35	DKV		
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xuân Lai (giai đoạn 2), xã Xuân Lai	3,6	ONT	Xã Xuân Lai	Huyện Thọ Xuân
		4,56	DGT		
		0,13	DVH		
		0,71	DKV		
5	Khu dân cư đồng Chăm thôn 5, xã Xuân Giang	0,4848	ONT	Xã Xuân Giang	Huyện Thọ Xuân
		0,73	DGT		
6	Khu dân cư đồng Chấn thôn 5, xã Xuân Giang	0,8013	ONT	Xã Xuân Giang	Huyện Thọ Xuân
		0,615	DGT		
7	Khu dân cư công Đình Xóm K, thôn 4 xã Thuận Minh	0,2489	ONT	Xã Thuận Minh	Huyện Thọ Xuân
		0,1537	DGT		
		0,0163	DTL		
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Phú Xuân	2,4	ONT	Xã Phú Xuân	Huyện Thọ Xuân
		5,2372	DGT		
		0,7805	DKV		
		0,0823	DVH		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
9	Khu xen cư Măng Bàn, thôn Hội Hiền, xã Tây Hồ	0,0302	ONT	Xã Tây Hồ	Huyện Thọ Xuân
10	Khu tái định cư dự án Nhà văn hoá Cánh Thịnh, thôn Bát Cánh 2 xã Xuân Hồng	0,0527	ONT	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
11	Dự án bố trí đất ở phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Nhà văn hoá Cánh Nam thôn Bát Cánh 2	0,0316	ONT	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
12	Dự án bố trí đất ở phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Nhà văn hoá Cánh Bình thôn Bát Cánh 1; Nhà văn hoá Cánh Trung thôn Bát Cánh 1	0,0719	ONT	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
13	Dự án bố trí đất ở phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Nhà văn hoá thôn Đồng Dọc	0,0445	ONT	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 6, xã Quảng Nhân	0,955	ONT	Xã Quảng Nhân	Huyện Quảng Xương
		0,375	DGT		
15	Khu dân cư mới tại đô thị Cầu Quan	3,2396	ONT	Xã Trung Chính	Huyện Nông Cống
		5,2812	DGT		
		0,8249	DGD		
		0,1764	DVH		
		1,453	TMD		
		0,6006	DKV		
16	Khu dân cư Bái Hồ	1,3434	ONT	Xã Nga Bạch	Huyện Nga Sơn
		1,3488	DGT	Xã Nga Bạch	Huyện Nga Sơn
17	Khu dân cư Bạch Thái	0,03	ONT	Xã Nga Bạch	Huyện Nga Sơn
18	Khu dân cư Bạch Đông	0,054	ONT	Xã Nga Bạch	Huyện Nga Sơn
19	Khu dân cư thôn Triệu Thành xã Nga Bạch	0,0392	ONT	Xã Nga Bạch	Huyện Nga Sơn
20	Khu dân cư Ao và Rộc Ông Thắng, thôn Triệu Thành	0,0342	ONT	Xã Nga Bạch	Huyện Nga Sơn
21	Khu dân cư lò vôi	0,7302	ONT	Xã Nga Hải	Huyện Nga Sơn
22	Khu dân cư Tân Phát (từ cổng ông Lạc đến ông Chúc)	0,8396	ONT	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn
		0,3402	DGT		
23	KDC xen cư thôn Chính Nghĩa (Khu Tây Thuyết)	0,0557	ONT	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn
		0,0141	DGT		
24	KDC xen cư thôn Nhân Sơn (Khu cửa Miếu)	0,116	ONT	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn
		0,0512	DGT		
25	KDC xen cư thôn Tân Hải (Khu sau Thiệu)	0,076	ONT	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn
		0,085	DGT		
26	Khu dân cư nông thôn (phía tây kênh 19)	3,0039	ONT	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
		1,6693	DGT		
27	Khu dân cư Đồng Giáp	1,2535	ONT	Xã Nga Thắng	Huyện Nga Sơn
		1,366	DGT		
28	Khu dân cư Đường cái thôn Xa Liễn, khu Đường hàng thôn thượng, khu Cửa nghề thôn thượng, Khu Đường 508 thôn Tam Linh, xã Nga thắng	0,7784	ONT	Xã Nga Thắng	Huyện Nga Sơn
		0,6829	DGT		
29	Khu dân cư Đông Mắc xóm 8 (khu dân cư hai bên tuyến đường Từ Thức kéo dài đoạn qua xã Nga Yên)	1,256	ONT	Xã Nga Yên	Huyện Nga Sơn
		1,4739	DGT		
30	Khu dân cư giáp Nga Thắng	0,07	ONT	Xã Nga Phượng	Huyện Nga Sơn
31	Khu dân cư sau ông Sơn	0,0187	ONT	Xã Nga Phượng	Huyện Nga Sơn
32	Khu dân cư Hoa làng thôn 2	0,0426	ONT	Xã Nga Phượng	Huyện Nga Sơn

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
33	Khu dân cư trước ông Đáng	0,1833	ONT	Xã Nga Phụng	Huyện Nga Sơn
34	Khu dân cư Trung đi kênh Sóc	0,3555	ONT	Xã Nga Phụng	Huyện Nga Sơn
35	Khu dân cư chợ Sy	2,2679	ONT	Xã Nga Phụng	Huyện Nga Sơn
		2,1542	DGT		
		0,1642	DKV		
36	Khu dân cư đường Từ Thức kéo dài đi Quốc Lộ 10 (Đoạn qua xã Nga Hải)	2,8975	ONT	Xã Nga Hải	Huyện Nga Sơn
		0,0705	TIN		
		0,0631	DKV		
		1,5481	DGT		
37	Khu dân cư đông QL10 xã Nga Trung	0,7549	ONT	Xã Nga Trung	Huyện Nga Sơn
38	Khu dân cư đông QL10 xã Nga Trung đợt 2	1,0765	ONT	Xã Nga Trung	Huyện Nga Sơn
		0,8842	DGT		
39	Điểm dân cư thôn Mỹ Xuyên (khu giáp trang trại) xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc	0,279	ONT	Xã Vĩnh Yên	Huyện Vĩnh Lộc
40	Điểm dân cư thôn Mỹ Xuyên (khu đầu làng) xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc	0,12	ONT	Xã Vĩnh Yên	Huyện Vĩnh lộc
41	Điểm dân cư Quan Điền, thôn Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc	1,28	ONT	Xã Vĩnh Tiến	Huyện Vĩnh lộc
42	Điểm dân cư Mã Ương, thôn Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc	0,74	ONT	Xã Vĩnh Tiến	Huyện Vĩnh lộc
43	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đông Môn, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc	0,04	ONT	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh lộc
44	Điểm dân cư Hồ Nam, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc	0,98	ONT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
45	Điểm dân cư thôn Yên Lạc, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc	0,8	ONT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
46	Điểm dân cư thôn Thọ Vực, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc	0,62	ONT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
47	Khu dân cư thôn Thọ Vực, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc	4,99	ONT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
48	Khu dân cư xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	8,39	ONT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
49	Khu tái định cư phục vụ GPMB cụm Công nghiệp Vĩnh Hòa	0,15	ONT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
50	Dự án khu dân cư thôn Thắng Lộc (Vị trí 2)	0,12	ONT	Xã Bình Lương	Huyện Như Xuân
		0,1094	DGT		
51	Dự án khu dân cư thôn Thắng Lộc (Vị trí 1)	0,0709	ONT	Xã Bình Lương	Huyện Như Xuân
		0,0089	DGT		
52	Dự án khu dân cư thôn Làng Gió (vị trí 2)	0,6472	ONT	Xã Bình Lương	Huyện Như Xuân
		0,0400	DKV		
		0,6132	DGT		
53	Dự án khu dân cư thôn Đồng Chạng	0,6582	ONT	Xã Thanh Sơn	Huyện Như Xuân
		0,06	DKV		
		0,3957	ONT		
54	Dự án khu dân cư thôn Tân Sơn	0,1695	ONT	Xã Tân Bình	Huyện Như Xuân
		0,0161	DKV		
		0,2385	DGT		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
55	Dự án khu dân cư thôn Tân Thắng	0,042	ONT	Xã Tân Bình	Huyện Như Xuân
		0,0467	DGT		
56	MBQH khu dân cư thôn Làng Mới, xã Mỹ Tân	0,4561	ONT	Xã Mỹ Tân	Huyện Ngọc Lặc
		0,653	DGT		
57	MBQH khu dân cư thôn Làng Mới, xã Mỹ Tân	0,1648	ONT	Xã Mỹ Tân	Huyện Ngọc Lặc
		0,2321	DGT		
58	MBQH khu dân cư thôn Làng Chả, xã Mỹ Tân	0,3329	ONT	Xã Mỹ Tân	Huyện Ngọc Lặc
		0,3525	DGT		
59	Khu dân cư Làng Ươu 2, xã Nguyệt Ấn	1,5273	ONT	Xã Nguyệt Ấn	Huyện Ngọc Lặc
		0,9	DGT		
60	Khu dân cư thôn Yên Thường	1,37	ONT	Xã Thuận Lộc	Huyện Hậu Lộc
		0,067	DKV		
		2,33	DGT		
61	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	0,4366	ONT	Xã Thành Vinh	Huyện Thạch Thành
		0,0400	DKV		
		0,5434	DGT		
62	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và khu dân cư mới phía Tây đường Sơn Lĩnh, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	4,65	DGT	Xã Hà Lĩnh	Huyện Hà Trung
		3,68	DKV		
		2,85	ONT		
63	Khu xen cư và tái định cư phía Nam khu Lăng miếu Triệu Tường	2,7	ONT	Xã Hà Long	Huyện Hà Trung
64	Điểm dân cư khu Hai Dòng	1,9203	ONT	Xã Cẩm Tú	Huyện Cẩm Thủy
		1,5128	DGT		
65	Dự án khu xen cư thôn Nga Nha Thượng	0,09	ONT	Xã Tiến Nông	Huyện Triệu Sơn
		0,04	DGT		
66	Khu dân cư thôn Đồng Khang (thôn 5 cũ)	0,11	ONT	Xã Hợp Thắng	Huyện Triệu Sơn
		0,08	DGT		
67	Dự án khu dân cư mới trước làng thôn 1	3,633	ONT	Xã Hợp Tiến,	Huyện Triệu Sơn
		3,514	DGT		
		1,016	DKV		
68	Khu dân cư Đồng Quán thôn 6	1,5	ONT	Xã Thọ Ngọc	Huyện Triệu Sơn
		0,7	DGT		
69	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Sơn Trang, xã Quảng Văn	1,34	ONT	Xã Quảng Văn	Quảng Xương
		2,98	DGT		
70	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cống Bà Chầy đi Ngõ Lọc xã Quảng Khê	3,02	ONT	Xã Quảng Khê	Quảng Xương
		0,14	DVH		
		3,87	DGT		
71	Điểm dân cư khu nước mạ thôn Phú Văn	0,5042	ONT	Xã Tân Châu	Huyện Thiệu Hoá
72	Dự án số 1 thuộc Khu dân cư xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hoá	10,9302	OBT	Xã Đông Vinh	Thành phố Thanh Hoá
		9,2969	DKV		
		0,228	DVH		
		0,2823	DYT		
		19,386	DGT		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
73	Dự án số 2 thuộc Khu dân cư xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hoá	7,178	ODT	Xã Đông Vinh	Thành phố Thanh Hoá
		3,2386	DKV		
		0,08	DVH		
		3,9742	TMD		
		2,1933	DGD		
		15,0633	DGT		
74	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trung tâm đô thị Gũ tại xã Lĩnh Toại, huyện Hà Trung	1,08	ONT	Xã Lĩnh Toại	Huyện Hà Trung
75	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới trung tâm văn hóa xã Hà Bình, huyện Hà Trung	4,89	ONT	Xã Hà Bình	Huyện Hà Trung
75	Khu dân cư Phía Tây cầu Báo Văn	4,2231	ONT	Xã Hà Hải	Huyện Hà Trung
		0,1645	DTM		
		0,0625	DVH		
		0,5106	DGD		
		0,6242	DKV		
		6,3036	DGT		
		0,0344	DTL		
77	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam xã Hà Hải, huyện Hà Trung	0,9922	ONT	Xã Hà Hải	Huyện Hà Trung
		0,092	DKV		
		1,5958	DGT		
78	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hà Châu, huyện Hà Trung	3,5705	ONT	Xã Hà Châu	Huyện Hà Trung
		0,0645	DVH		
		0,4888	DKV		
		5,5749	DGT		
79	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại đô thị Cừ, xã Yên Dương, huyện Hà Trung (Vị trí 3)	8,4838	ONT	Xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
		1,2944	CCC		
		7,0507	DKV		
		3,1676	DTM		
		2,6628	DGD		
		15,2479	DGT		
80	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại đô thị Cừ, xã Yên Dương, huyện Hà Trung (Vị trí 4)	5,1864	ONT	Xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
		0,5	CCC		
		0,3997	DKV		
		5,0425	DGT		
81	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại đô thị Cừ, xã Yên Dương, huyện Hà Trung (Vị trí 6)	2,4062	ONT	Xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
		0,5078	DKV		
		0,5474	CCC		
		4,0144	DGT		
82	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại xã Hà Long, huyện Hà Trung (Vị trí 2)	3,9308	ONT	Xã Hà Long	Huyện Hà Trung
		0,5715	CCC		
		1,2589	DKV		
		5,5213	DGT		
83	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại đô thị Cừ, xã Hà Bình, huyện Hà Trung (Vị trí 2)	7,978	ONT	Xã Hà Bình	Huyện Hà Trung
		1,1744	CCC		
		0,6238	DGD		
		1,32	DKV		
		10,0847	DGT		
84	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại đô thị Cừ, xã Hà Bình, huyện Hà Trung (Vị trí 5)	3,0929	ONT	Xã Hà Bình	Huyện Hà Trung
		0,406	CCC		
		2,301	DGD		
		0,2159	DKV		
		2,4522	DGT		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
85	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới kết hợp trung tâm văn hóa tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung	5,7518	ONT	Xã Hà Tân	Huyện Hà Trung
		1,6647	CCC		
		0,8766	DTM		
		4,2597	DKV		
		7,5294	DGT		
86	Dự án khu dân cư mới xã Yên Trường	0,15	DVH	Xã Yên Trường	Huyện Yên Định
		2,28	ONT		
		0,72	DKV		
		3,51	DGT		
87	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Yên Dương (Hạng mục điều chỉnh bổ sung)	5,44	DGT	Xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
		0,34	DTL		
III	Công trình, dự án trụ sở cơ quan	1,13			
1	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương	0,6	TSC	TT Tân Phong	Huyện Quảng Xương
2	Mở rộng khuôn viên Công sở để xây dựng Nhà truyền thống xã Tây Hồ	0,03	TSC	Xã Tây Hồ	Huyện Thọ Xuân
3	Mở rộng khuôn viên công sở xã Hoa Lộc	0,5	TSC	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc
IV	Công trình, dự án giao thông	98,5620			
1	Tuyến đường nối Quốc lộ 47C đến Khu di tích Đền bà Phạm Thị Ngọc Trần	1,0	DGT	Xã Thọ Hải, xã Xuân Hoà	Huyện Thọ Xuân
2	Tuyến đường Quảng Phú - Xuân Tín - Di tích Quốc gia đặc biệt đền thờ Lê Hoàn, xã Xuân Lập	2,5	DGT	Xã Quảng Phú, xã Xuân Tín, xã Xuân Lập	Huyện Thọ Xuân
3	Đường đập tràn thôn 2 đi thôn 4 xã Thuận Minh	0,079	DGT	Xã Thuận Minh	Huyện Thọ Xuân
4	Mở rộng đường ra Trang trại Gò Ngô xã Xuân Hồng	0,6	DGT	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
5	Điểm nối từ đường Tân Trạch vào MBQH 115/UB-TNMT và MBQH 2651/QĐ-UBND	0,12	DGT	Xã Quảng Trạch	Huyện Quảng Xương
6	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hoá – Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C)	16,68	DGT	Phường Quảng Vinh	Thành phố Sầm Sơn
7	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Vành đai phía Nam)	9,0	DGT	Phường Quảng Vinh, xã Quảng Hùng, xã Quảng Đại	Thành phố Sầm Sơn
8	Nâng cấp, cải tạo tuyến Tỉnh lộ 505, huyện Nông Cống	3,53	DGT	Yên Mỹ, Công Chính, Công Liêm, Thăng Thọ, Thăng Long, Thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống
9	Xây dựng đường giao thông kết nối tỉnh lộ 525 đi đường Tế Lợi đi Tế Nông, xã Minh Nghĩa	3,38	DGT	Xã Minh Nghĩa	Huyện Nông Cống
10	Dự án xây dựng hoàn thành cầu Bến Kẹm	0,89	DGT	Xã Lương Ngoại, xã Diên Lư, huyện Bá Thước	Huyện Bá Thước
11	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh)-Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	0,774	DGT	Xã Hà Lĩnh, xã Hà Sơn	Huyện Hà Trung
12	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung	11,087	DGT	Thị trấn Hà Trung, xã Yên Sơn	Huyện Hà Trung
13	Đường nối QL1 với QL45 từ xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa. (Bổ sung)	11,0	DGT	Xã Thiệu Long, Thiệu Quang, Thiệu Giang	Huyện Thiệu Hóa

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
14	Đường Quốc lộ 45 cải dịch, đoạn từ nút giao đường DH,TH05 (kênh Nam) đi nút giao với đường QL1-QL45 huyện Thiệu Hóa	26,0	DGT	Thị trấn Thiệu Hóa, Thiệu Phú, Thiệu Long	Huyện Thiệu Hóa
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 523C đi Di tích Cách mạng Chùa Xuân Ấng	1,286	DGT	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh Lộc
16	Hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông tại nút giao Đường tỉnh 522 - Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc	0,18	DGT	Xã Vĩnh Phúc	Huyện Vĩnh Lộc
17	Nâng cấp, sửa chữa tỉnh lộ 522 đoạn nối QL45 với đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc đi về sông Bưởi	1,45	DGT	TT Vĩnh Lộc, Vĩnh Phúc	Huyện Vĩnh Lộc
18	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc	1,8	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh Lộc
19	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi xã Vĩnh Hùng, xã Vĩnh Hoà huyện Vĩnh Lộc	1,286	DGT	Xã Vĩnh Hùng	Huyện Vĩnh Lộc
20	Dự án cải tạo, nâng cấp đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh	5,92	DGT	Xã Đại Lộc, Triệu Lộc	Huyện Hậu Lộc
V	Công trình, dự án thủy lợi	103,23			
1	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ tả sông Cầu Chày đoạn từ K17+170 ~ K17+670 thuộc địa phận xã Yên Thịnh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0,8	DTL	Xã Yên Thịnh	Huyện Yên Định
2	Trạm bơm tưới Đồng Bái, xã Xuân Bái	1,0	DTL	Xã Xuân Bái, xã Thọ Xương	Huyện Thọ Xuân
3	Trạm bơm tưới Đồng Quan, xã Thọ Xương	1,0	DTL	Xã Thọ Xương	Huyện Thọ Xuân
4	Tiêu vùng 3 Nông Cống (giai đoạn 2)	86,0	DTL	Công Chính, Tượng Sơn, Vạn Thắng, Vạn Hòa, thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống
5	Củng cố bảo vệ và nâng cấp đê biển và đê cửa sông - huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (GD2)	0,6	DTL	Xã Nga Tân	Huyện Nga Sơn
7	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt, lở bờ tả sông Bưởi đoạn qua thôn Văn Hanh, xã Vĩnh Phúc, tương ứng với lý trình K22+821-K23+71 đê tả sông Bưởi xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc	0,54	DTL	Xã Vĩnh Phúc	Huyện Vĩnh Lộc
8	Nâng cấp, mở rộng kênh tưới kết hợp tiêu chính xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc	1,22	DTL	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh Lộc
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hón Dừa, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc	0,35	DTL	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh Lộc
10	Trạm bơm tiêu Hoàng Đồng	1,0	DTL	Minh Sơn	Huyện Triệu Sơn
VI	Công trình, dự án cơ sở thể dục, thể thao	1,3			
1	Sân vận động xã Xuân Minh	1,3	DTT	Xã Xuân Minh	Huyện Thọ Xuân
VII	Công trình, dự án văn hóa	7,0752			
1	Nhà văn hoá Cánh Thịnh thôn Bất Cánh 2, xã Xuân Hồng	0,0437	DVH	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
2	Nhà văn hoá Cánh Nam thôn Bất Cánh 2, xã Xuân Hồng	0,0188	DVH	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
3	Nhà văn hoá Cánh Trung thôn Bất Cánh 1, xã Xuân Hồng	0,0347	DVH	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
4	Nhà văn hoá Cánh Bình thôn Bất Cánh 1, xã Xuân Hồng	0,128	DVH	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
5	Nhà văn hoá thôn Đồng Dọc, xã Xuân Hồng	0,05	DVH	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
6	Khu Trung tâm văn hoá tỉnh Thanh hoá	6,8	DVH	Phường Đông Hải	Thành phố Thanh Hoá
VIII	Công trình, dự án cơ sở Y tế	0,25			
1	Xây mới Trạm y tế xã Thọ Sơn	0,25	DYT	Xã Thọ Sơn	Huyện Triệu Sơn
IX	Công trình, dự án giáo dục và đào tạo	2,25			
1	Mở rộng trường Trung học cơ sở Xuân Khang	0,5	DGD	Xã Xuân Khang	Huyện Như Thanh
2	Xây dựng Trường Mầm non Thanh Tân (khu C)	0,6	DGD	Xã Thanh Tân	Huyện Như Thanh
3	Xây dựng Trường Mầm non xã Quảng Trạch	1,0	DGD	Xã Quảng Trạch	Huyện Quảng Xương
4	Trường mầm non xã Kiên Thọ tại thôn 11, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc	0,15	DGD	Xã Kiên Thọ	Huyện Ngọc Lặc
X	Công trình, dự án năng lượng	6,9895			
1	Đường dây và trạm biến áp 110KV khu công nghiệp Hoàng Long	0,1	DNL	Hoàng Đức, Hoàng Đồng	Huyện Hoàng Hoá
2	Đường dây 110kv Quảng Xương - Sầm Sơn	1,22	DNL	Xã Quảng Minh, xã Quảng Hùng	Huyện Thọ Xuân
3	Đường dây và TBA 110kV Hoàng Hóa 2	0,17	DNL	Phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
4	Đường dây và TBA 110kV Sầm Sơn 2	3,58	DNL	Phường Trường Sơn, Phường Quảng Vinh; Phường Quảng Thọ; Phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
5	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, GTT và cải thiện chất lượng điện áp lưới điện khu vực thành phố Sầm Sơn, Triệu Sơn	0,01	DNL	phường Quảng Thọ, Quảng Vinh	Thành phố Sầm Sơn
6	Nâng cấp trạm bơm Hòa Long, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc (Hạng mục Trạm biến áp)	0,009	DNL	Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc
7	Đường dây 110 KV từ trạm biến áp 220KV Bim Sơn - Nga Sơn	0,546	DNL	Hà Bắc, Yên Dương, Hoạt Giang	Huyện Hà Trung
8	Xây dựng mới đường dây trung thế cấp điện cho TBA bản Khả, xã Sơn Thủy	0,02	DNL	Xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn	Huyện Quan Sơn
9	Xây dựng mới đường dây trung thế cấp điện cho TBA bản Xía Nội, xã Sơn Thủy	0,03	DNL	Xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn	Huyện Quan Sơn
10	Xây dựng mới đường dây trung thế cấp điện cho TBA bản Xa Mang, xã Sơn Điện	0,05	DNL	Xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn	Huyện Quan Sơn
11	Di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 (đoạn qua huyện Triệu Sơn)	0,5	DTL	Thọ Ngọc, Thọ Cường,	Huyện Triệu Sơn
12	Dự án đường dây và trạm 110kV Thiệu Hóa	0,7125	DNL	Thiệu Phú	Huyện Thiệu Hoá
13	Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV Ba Chè - Núi Một - Thành Phố	0,04	DNL	Thiệu Trung	Huyện Thiệu Hoá
XI	Công trình, dự án di tích lịch sử - văn hoá	0,12			
1	Nâng cấp cải tạo, phục hồi Nền Sinh Thánh khu di tích Quốc gia đặc biệt Lê Hoàn	0,12	DDT	Xã Xuân Lập	Huyện Thọ Xuân
XII	Công trình, dự án cơ sở tôn giáo	1,4537			

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
1	Xây dựng, tôn tạo chùa Thiên Thống	0,5	TON	Quảng Nhân	Huyện Quảng Xương
2	Nhà thờ Chính Giáo (Giáo xứ Tân Hải)	0,1358	TON	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn
3	Mở rộng nhà thờ Giáo xứ Bàn Thủy tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	0,2079	TON	Vĩnh Thịnh	Huyện Vĩnh lộc
4	Dự án xây dựng chùa Giới	0,61	TON	Xã Ái Thượng	Huyện Bá Thước
XIII	Công trình, dự án nghĩa trang, nghĩa địa	16,41			
1	Mở rộng nghĩa địa Mã Đụn làng Yên Trường, xã Thọ Lập	0,9	NTD	Xã Thọ Lập	Huyện Thọ Xuân
2	Xây dựng nghĩa địa Khu 1	0,6	NTD	Xã Thọ Lộc	Huyện Thọ Xuân
3	Xây dựng nghĩa địa Khu 3	0,8	NTD	Xã Thọ Lộc	Huyện Thọ Xuân
4	Mở rộng khu nghĩa địa thôn Xuân Tân, xã Xuân Hưng	0,67	NTD	Xã Xuân Hưng	Huyện Thọ Xuân
5	Mở rộng khu nghĩa địa thôn 2, xã Xuân Hưng	0,67	NTD	Xã Xuân Hưng	Huyện Thọ Xuân
6	Mở rộng khu nghĩa địa thôn Xuân Lai, xã Xuân Hưng	0,37	NTD	Xã Xuân Hưng	Huyện Thọ Xuân
7	Khu Nghĩa địa Bái Lăng Thôn Long Thịnh, xã Thuận Minh	0,71	NTD	Xã Thuận Minh	Huyện Thọ Xuân
8	Mở rộng nghĩa địa Dạ cá xã Xuân Hồng	0,35	NTD	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
9	Mở rộng nghĩa địa Vân Lộ xã Xuân Hồng	0,7	NTD	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
10	Mở rộng nghĩa địa Nền Quan xã Xuân Hồng	0,7	NTD	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
11	Nghĩa trang tập trung núi Mã Đà, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1)	9,94	NTD	Minh Tân	Huyện Vĩnh Lộc

Phu lục số 2:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯỢC HĐND TỈNH CHẤP THUẬN THU HỒI ĐÃ QUA 3 NĂM, TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 1, NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
	Tổng cộng:	133,0087		
I	Công trình, dự án khu dân cư đô thị	79,5675		
1	Dự án Khu dân cư mới Thung Ổi, thị trấn Bến Sung	7,28	TT Bến Sung	Huyện Như Thanh
2	Hạ tầng khu dân cư mở rộng thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân	2,0	TT Thọ Xuân	Huyện Thọ Xuân
3	Khu dân cư tái định cư Đồng Me	0,32	Phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
4	Khu dân cư mới và chợ kết hợp thương mại	9,0	Phường Quảng Thọ	Thành phố Sầm Sơn
5	Khu dân cư đồng Bàu thuộc mặt bằng QHCT Khu dân cư Đông QL 10 (xã Nga Mỹ cũ)	0,5627	Thị trấn Nga Sơn	Huyện Nga Sơn
6	Khu dân cư và thương mại dịch vụ	39,69	Phường Quảng Phú, phường Quảng Hưng	Thành phố Thanh Hoá
7	Khu dân cư và chợ kết hợp thương mại	18,48	Phường Quảng Thọ (thành phố Sầm Sơn) và phường Quảng Tâm (thành phố Thanh Hóa)	Thành phố Thanh Hoá, thành phố Sầm Sơn
8	Dự án KDC Đông đường chi nhánh điện	2,2348	Thị trấn Nga Sơn	Huyện Nga Sơn
II	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn	47,9912		
1	Khu dân cư đồng Cát, đồng Hẫu, Mã Quan thôn 1 Xuân Khánh, xã Xuân Hồng	1,7712	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân
2	Khu dân cư thôn Đồng Khang (thôn 5 cũ), xã Hợp Thắng	0,191	Hợp Thắng	Huyện Triệu Sơn
3	Khu dân cư mới thôn 3	0,629	Thọ Phú	Huyện Triệu Sơn
4	Khu dân cư Đông Tân, xã Đông Tân, thành phố Thanh Hóa	30,0	Phường Đông Tân	Thành phố Thanh Hoá
5	Hạ tầng kỹ thuật các khu xen cư, xen kẹt Quảng Phú vị trí tại các thôn MB 1580/QĐ-UBND ngày 28/2/2020	3,4	Phường Quảng Phú	Thành phố Thanh Hoá
6	Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối đường giao thông từ cảng hàng không Thọ Xuân đi khu Kinh tế Nghi Sơn (MBQH số 3569/QĐ-UBND ngày 28/8/2020)	12,0	Phường Đông Tân	Thành phố Thanh Hoá
III	Công trình, dự án giao thông	2,6		

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
1	Đầu tư xây dựng đường Tây Sầm Sơn 5 và đường Hai Bà Trưng	1,0	Phường Quảng Tiến, phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
2	Bến xe khách và Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thiên Phú	1,6	Thị trấn Bến Sung	Huyện Như Thanh
IV	Công trình, dự án cụm công nghiệp	2,56		
1	Cụm công nghiệp Vĩnh Minh	2,56	Xã Minh Tân, Vĩnh Thịnh	Huyện Vĩnh lộc
V	Công trình, dự án cơ sở thể dục thể thao	0,29		
1	Khu văn hoá thể thao Tiên mọc	0,29	Dân Lực	Huyện Triệu Sơn

Phụ lục số 3:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 1, NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
	Tổng cộng:				325,7455	194,7813	2,35		128,6142
I	Công trình, dự án khu dân cư đô thị								
1	Khu dân cư xen cư Trung Thắng	UBND Thị trấn Hậu Lộc	Thị trấn Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	3,3	2,9944			0,3056
2	Khu tái định cư Yên Nội	UBND Thị trấn Hậu Lộc	Thị trấn Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	2,3	2,0785			0,2215
3	Khu dân cư mới Cồn Ve, Đồng Ngang thị trấn Hậu Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Thị trấn Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	9,5	7,1689			2,3311
4	Khu dân cư thôn 1, 7 xã Minh Dân (nay là thị trấn Triệu Sơn; MBQH 4761/QĐ-UBND ngày 31/12/2015)	UBND thị trấn Triệu Sơn	Thị trấn Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn	1,2	1,2			
5	Khu dân cư mới (Nam Đồng Năn; MBQH 8128/QĐ-UBND ngày 07/12/2018)	Thị trấn Triệu Sơn	Thị trấn Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn	0,19	0,19			
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc đường QL45 đi thôn Đình Tân xã Thiệu Phú	UND huyện Thiệu Hóa	Thị trấn Thiệu Hóa, xã Thiệu Phú	Thiệu Hóa	1,23	1,0618			0,1682
7	Hạ tầng kỹ thuật Khu xen cư phố Thành Yên, phường Quảng Thành (MBQH số 942/QĐ-UBND ngày 29/01/2016)	UBND TP Thanh Hóa	Phường Quảng Thành	Thành phố Thanh Hoá	0,34	0,34			
8	Khu dân cư mới thị trấn Thiệu Hóa (Phía Bắc đường vào Bệnh viện Đa Khoa huyện)	Ban QLDA	Thị trấn Thiệu Hóa	Thiệu Hóa	2,0	1,72			0,28
II	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn								
1	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn tại thôn Trinh Thọ, xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 25/MBQH-UBND ngày 19/4/2021)	UBND xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	Huyện Hoàng Hoá	1,2253	1,1468			0,0785
2	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Giang (MBQH số 03b/MBQH-UBND ngày 13/4/2020)	UBND xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	Huyện Hoàng Hoá	0,7833	0,7833			
3	Mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Phương Mao xã Hoàng Phương, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 15/MBQH-UBND ngày 13/4/2021)	UBND xã Hoàng Phương	Xã Hoàng Phương	Huyện Hoàng Hoá	1,4	1,3616			0,0385
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Trinh Thôn, xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020)	UBND xã Hoàng Phú	Xã Hoàng Phú	Huyện Hoàng Hoá	1,2278	1,0842			0,1436
5	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Phú Trung, xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 07/MBQH-UBND ngày 09/3/2021)	UBND xã Hoàng Phú	Xã Hoàng Phú	Huyện Hoàng Hoá	0,966	0,8737			0,0923
6	Khu dân cư nông thôn tại thôn Tự Đông, xã Hoàng Quý (MBQH số 08/MBQH-UBND ngày 14/3/2021)	UBND xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	Huyện Hoàng Hoá	1,9905	1,8444			0,1461
7	Quy hoạch khu dân cư nông thôn tại thôn Sao Vàng 2, xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 11/MBQH-UBND ngày 18/5/2020)	UBND xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	Huyện Hoàng Hoá	0,7212	0,7212			
8	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Xa Vệ, xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (MQBH số 16/MBQH-UBND ngày 15/4/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa)	UBND xã Hoàng Trung	Xã Hoàng Trung	Huyện Hoàng Hoá	0,7677	0,6342			0,1335
9	Đầu tư xây dựng khu dân cư thôn Trinh Hà, xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa	UBND xã Hoàng Trung	Xã Hoàng Trung	Huyện Hoàng Hoá	2,0014	1,6025			0,3989

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Thanh Nga (nay là thôn 5), xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 50/MBQH-UBND ngày 18/6/2020) - giai đoạn 2	UBND xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Trinh	Huyện Hoàng Hóa	0,5800	0,58			
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 3, xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 60/MBQH-UBND ngày 01/7/2021)	UBND xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Trinh	Huyện Hoàng Hóa	1,6516	1,5475			0,1041
12	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn tại thôn Bản Thành, xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 05/MBQH-UBND ngày 10/02/2021)	UBND xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	Huyện Hoàng Hóa	0,9721	0,9628			0,0093
13	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Thần Xuân, xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 48/MBQH-UBND ngày 21/6/2021)	UBND xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	Huyện Hoàng Hóa	1,093	0,2048			0,8882
14	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Xuyên (MBQH số 49/MBQH-UBND ngày 21/6/2021)	UBND xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	Huyện Hoàng Hóa	1,6879	1,5281			0,1598
15	Đầu tư xây dựng khu dân cư thôn Thanh Bình, xã Hoàng Xuyên (MBQH số 57a/MBQH-UBND ngày 10/7/2020)	UBND huyện Hoàng Hóa	Xã Hoàng Xuyên	Huyện Hoàng Hóa	1,7364	1,6426			0,0938
16	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Tây Đại, xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 57/MBQH-UBND ngày 24/6/2021)	UBND xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	Huyện Hoàng Hóa	0,1810	0,1542			0,0268
17	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại Đông Bái, xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 06/MBQH-UBND ngày 23/02/2021)	UBND xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	Huyện Hoàng Hóa	1,1855	1,1192			0,0663
18	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 01/MBQH-UBND ngày 25/01/2021)	UBND xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	Huyện Hoàng Hóa	0,6395	0,5673			0,0722
19	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn tại thôn Nhân Hòa, xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 06/MBQH-UBND ngày 10/02/2021)	UBND xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	Huyện Hoàng Hóa	1,0710	0,9629			0,1081
20	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Đức Tiến, xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 28/MBQH-UBND ngày 19/4/2021)	UBND xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	Huyện Hoàng Hóa	0,9947	0,8057			0,189
21	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Bái Chén, xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa (giai đoạn 2) (MBQH số 25/MBQH-UBND ngày 08/6/2020)	UBND xã Hoàng Đức	Xã Hoàng Đức	Huyện Hoàng Hóa	1,199	1,0			0,199
22	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Ngọc Đình, xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 85/MBQH-UBND ngày 24/8/2021)	UBND xã Hoàng Hà	Xã Hoàng Hà	Huyện Hoàng Hóa	0,0668	0,0547			0,0121
23	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Đạt Tài 2 và thôn Ngọc Đình, xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 27/MBQH-UBND ngày 19/04/2021 và 26/MBQH-UBND ngày 19/04/2021)	UBND xã Hoàng Hà	Xã Hoàng Hà	Huyện Hoàng Hóa	0,605	0,5219			0,0832
24	Hạ tầng kỹ thuật đất ở nông thôn khu Đồng Đồ, thôn Trù Ninh, xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 37/MBQH-UBND ngày 17/5/2021)	UBND xã Hoàng Đạt	Xã Hoàng Đạt	Huyện Hoàng Hóa	0,7905	0,5537			0,2368
25	Hạ tầng kỹ thuật đất ở nông thôn khu Bãi Nón, thôn Trù Ninh, xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 36/MBQH-UBND ngày 17/5/2021)	UBND xã Hoàng Đạt	Xã Hoàng Đạt	Huyện Hoàng Hóa	0,8085	0,7492			0,0592
26	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Tê Thôn, xã Hoàng Đạo, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 68a/MBQH-UBND ngày 14/8/2020)	UBND xã Hoàng Đạo	Xã Hoàng Đạo	Huyện Hoàng Hóa	0,9779	0,6942			0,2837

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
27	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đạo (MBQH số 28/MBQH-UBND ngày 08/6/2020)	UBND xã Hoàng Đạo	Xã Hoàng Đạo	Huyện Hoàng Hoá	0,8906	0,6497			0,2410
28	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đạo (MBQH số 11/MBQH-UBND ngày 16/3/2021)	UBND xã Hoàng Đạo	Xã Hoàng Đạo	Huyện Hoàng Hoá	1,1843	1,0592			0,1251
29	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Thịnh Hòa, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 58/MBQH-UBND ngày 28/6/2021)	UBND xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	Huyện Hoàng Hoá	0,7476	0,7062			0,0415
30	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Thịnh Hòa, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 64/MBQH-UBND ngày 13/7/2021)	UBND xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	Huyện Hoàng Hoá	0,8345	0,7942			0,0404
31	Hạ tầng đất ở khu dân cư thôn Bắc Đoàn Vỹ, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 72/MBQH-UBND ngày 16/7/2021)	UBND xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	Huyện Hoàng Hoá	0,7896	0,733			0,0566
32	Hạ tầng mặt bằng phân lô điểm dân cư tại thôn Thịnh Hòa, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 73/MBQH-UBND ngày 16/7/2021)	UBND xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	Huyện Hoàng Hoá	0,1346	0,1146			0,02
33	Khu dân cư thôn 2, xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 35/MBQH-UBND ngày 10/5/2021)	UBND xã Hoàng Thành	Xã Hoàng Thành	Huyện Hoàng Hoá	1,4729	1,2255			0,2474
34	Khu dân cư thôn Hà Đò, xã Hoàng Trạch, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 60/MBQH-UBND ngày 20/7/2020)(vị trí	UBND xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	Huyện Hoàng Hoá	2,2404	2,0541			0,1863
35	Khu dân cư thôn Hà Đò, xã Hoàng Trạch, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 59/MBQH-UBND ngày 01/7/2021)(vị trí	UBND xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	Huyện Hoàng Hoá	1,746	1,6591			0,087
36	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn Đồng Lòng (vị trí 1) xã Hoàng Tân (MBQH số 41/MBQH-UBND ngày 20/5/2021)	UBND xã Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	Huyện Hoàng Hoá	0,3891	0,2767			0,1123
37	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn Đồng Lòng (vị trí 3) xã Hoàng Tân (MBQH số 42/MBQH-UBND ngày 20/5/2021)	UBND xã Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	Huyện Hoàng Hoá	1,0309	0,9951			0,0357
38	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Sơn Trang, xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 67/MBQH-UBND ngày 14/7/2021)	UBND xã Hoàng Yên	Xã Hoàng Yên	Huyện Hoàng Hoá	0,9148	0,7008			0,2139
39	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn 2, xã Hoàng Ngọc, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 80/MBQH-UBND ngày 04/8/2021)	UBND xã Hoàng Ngọc	Xã Hoàng Ngọc	Huyện Hoàng Hoá	0,3524	0,2061			0,1463
40	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn 3, xã Hoàng Ngọc, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 70/MBQH-UBND ngày 15/7/2021)	UBND xã Hoàng Ngọc	Xã Hoàng Ngọc	Huyện Hoàng Hoá	0,9913	0,2873			0,704
41	Đầu tư xây dựng khu dân cư kết hợp làng nghề chế biến nước mắm xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa (MBQH số 81/MBQH-UBND ngày 12/8/2021)	UBND xã Hoàng Phụ	Xã Hoàng Phụ	Huyện Hoàng Hoá	3,5424	2,5995			0,9429
42	Khu dân cư nông thôn tại thôn Một xã Hoàng Trường (MBQH số 53/MBQH-UBND ngày 24/6/2021)	UBND xã Hoàng Trường	Xã Hoàng Trường	Huyện Hoàng Hoá	0,6524	0,6524			
43	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Đại Trường (vị trí 2), xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa (MQBH số 52/MBQH-UBND ngày 24/6/2021)	UBND xã Hoàng Trường	Xã Hoàng Trường	Huyện Hoàng Hoá	1,1782	1,0338			0,1444
44	Khu dân cư nông thôn thôn Sao Vàng thuộc mặt bằng QH số 71/MBQH-UBND được UBND huyện Hoàng Hóa phê duyệt ngày 30/9/2019	UBND Hoàng Phụ	Xã Hoàng Phụ	Huyện Hoàng Hoá	0,46	0,46			



TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
45	Khu dân cư Đồng Ron 2 thôn Đồng Nghiêm	UBND xã Mậu Lâm	Xã Mậu Lâm	Huyện Như Thanh	0,17	0,17			
46	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xuân Lai, huyện Thọ Xuân	UBND huyện Thọ Xuân	Xã Xuân Lai	Huyện Thọ Xuân	4,745	4,33			0,4150
47	Khu dân cư mới Đồng Chùa, Đồng Đình thôn 1, xã Xuân Giang	UBND xã Xuân Giang	Xã Xuân Giang	Huyện Thọ Xuân	1,3932	1,269			0,1242
48	Khu dân cư Cầu Đá ngoài, thôn Tinh Thôn 2, xã Xuân Hoà	UBND xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hoà	Huyện Thọ Xuân	0,851	0,851			
49	Khu dân cư Đồng Năn, thôn Lễ Nghĩa 2, xã Xuân Hồng	UBND xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân	3,0233	0,1966			2,8267
50	Khu tái định cư dự án đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 trên địa bàn xã Xuân Hồng (Xuân Khánh cũ)	UBND huyện Thọ Xuân	Xã Xuân Hồng	Thọ Xuân	0,6521	0,5643			0,0878
51	Khu dân cư đồng bào sinh sống trên sông, xã Xuân Hồng	UBND xã Xuân Hồng	Xuân Hồng	Huyện Thọ Xuân	0,4846	0,4467			0,0379
52	Khu dân cư đường Lân dài đi xóm 8	UBND xã Nga An	Xã Nga An	Huyện Nga Sơn	0,1051	0,1051			
53	Khu dân cư nông thôn (đồng ông Sự)	UBND xã Nga Hải	Xã Nga Hải	Huyện Nga Sơn	1,9284	0,1			1,8284
54	Khu dân cư xứ đồng khoanh vùng ngoài	UBND xã Nga Hải	Xã Nga Hải	Huyện Nga Sơn	0,6308	0,607			0,0238
55	Khu dân cư sau ông Bé	UBND xã Nga Phụng	Xã Nga Phụng	Huyện Nga Sơn	0,5301	0,4706			0,0595
56	Khu dân cư nông thôn xã Nga Văn	UBND xã Nga Văn	Xã Nga Văn	Huyện Nga Sơn	3,81	3,7044			0,1056
57	Khu dân cư nông thôn	UBND xã Nga Yên	Xã Nga Yên	Huyện Nga Sơn	1,0	0,5765			0,4235
58	dự án KDC bắc nhà máy nước xã Nga Trường	UBND xã Nga Yên	Xã Nga Yên	Huyện Nga Sơn	0,4556	0,2315			0,2241
59	Khu dân cư xóm 7 Nga Điền	UBND xã Nga Điền	Xã Nga Điền	Nga Sơn	0,1684	0,14			0,0284
60	Khu dân cư thôn Thành Tuy	UBND xã Tuy Lộc	Xã Tuy Lộc	Huyện Hậu Lộc	4,5	3,7967			0,7033
61	Khu dân cư nông thôn tập trung xã Thành Lộc	UBND xã Thành Lộc	Xã Thành Lộc	Huyện Hậu Lộc	4,222	4,0			0,222
62	Khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Hón, Bờ Cạn thôn Thành Tây, Thành Sơn xã Thành Lộc	UBND xã Thành Lộc	Xã Thành Lộc	Huyện Hậu Lộc	3,82	3,72			0,10
63	Khu dân cư mới thôn Hoa Phú, xã Hoa Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc	8,02	7,3668			0,6532
64	Khu dân cư mới Hoa Lộc - Phú Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Xã Phú Lộc, Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc	9,68	6,3775			3,3025
65	Khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Xã Tiến Lộc	Phù hợp	8,05	7,1391			0,9109
66	Khu dân cư mới xã Liên Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Xã Liên Lộc	Huyện Hậu Lộc	4,79	3,5347			1,2553
67	Khu dân cư phía Đông thôn Sơn	UBND xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	Phù hợp	3,48	3,0338			0,4462
68	Khu dân cư Mãng Vịt thôn Trước	UBND xã Phú Lộc	Xã Phú Lộc	Huyện Hậu Lộc	2,13	1,9255			0,2045
69	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Xuân Long, xã Thạch Cẩm	UBND xã Thạch Cẩm	Xã Thạch Cẩm	Huyện Thạch Thành	0,79	0,548			0,2420
70	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Thôn Liên Hưng xã Thành Hưng	UBND xã Thành Hưng	Xã Thành Hưng	Huyện Thạch Thành	0,3659	0,3659			
71	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Phú Thành, xã Thành Hưng	UBND xã Thành Hưng	Xã Thành Hưng	huyện Thạch Thành	0,3548	0,35			0,0048
72	Điểm dân cư nông thôn khu Đồng Sỏi thôn Đầm Sen xã Hà Tiến	UBND xã Hà Tiến	Xã Hà Tiến	Hà Trung	0,9	0,04			0,86
73	Điểm dân cư khu Khảm Khi thôn Chiềng Đông	UBND huyện	Xã Cẩm Thạch	Huyện Cẩm Thủy	2,415	2,16			0,255
74	Điểm dân cư Thành Long (khu Gốc Dừa)	UBND xã	Xã Cẩm Thành	Huyện Cẩm Thủy	0,3680	0,178			0,19
75	Điểm dân cư đồng vòng Sông thôn Song Nga	UBND xã Cẩm Ngọc	Xã Cẩm Ngọc	Huyện Cẩm Thủy	2,79	2,762			0,028
76	Điểm dân cư khu Rải Sy	UBND xã Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang	Huyện Cẩm Thủy	0,228	0,154			0,074
77	Khu dân cư Trung tâm, thôn Đồi Chông	UBND xã Cẩm Vân	Xã Cẩm Vân	Huyện Cẩm Thủy	3,4152	3,4086			0,0066
78	Dự án khu dân cư thôn Sầm cũ	UBND xã Cẩm Bình	Xã Cẩm Bình	Huyện Cẩm Thủy	0,29	0,29			

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
79	Khu Đồng Trạm Thôn Do Trung	UBND xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	Huyện Cẩm Thủy	3,3	3,288			0,012
80	Điểm dân cư tại thôn 6 (MBQH 2979/QĐ-UBND ngày 05/8/2016)	Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	Huyện Triệu Sơn	0,01	0,01			
81	Điểm dân cư (MBQH 3283/QĐ-UBND ngày 30/9/2015)	Xã Minh Sơn	Xã Minh Sơn	Huyện Triệu Sơn	0,055	0,055			
82	Khu dân cư thôn Hoàng Thôn (MBQH 8576/QĐ-UBND ngày 29/12/2017)	Xã Minh Sơn	Xã Minh Sơn	Huyện Triệu Sơn	0,026	0,026			
83	Khu dân cư thôn Đô Trình 3 (MBQH 2497/QĐ-UBND ngày 23/6/2017)	Xã An Nông	Xã An Nông	Huyện Triệu Sơn	0,69	0,69			
84	Khu dân cư thôn Vĩnh Trù 2 (MBQH 2497/QĐ-UBND ngày 23/6/2017)	Xã An Nông	Xã An Nông	Huyện Triệu Sơn	0,17	0,17			
85	Khu dân cư thôn Đô Trình 1,2 (MBQH 3813/QĐ-UBND ngày 22/6/2018)	Xã An Nông	Xã An Nông	Huyện Triệu Sơn	0,03	0,03			
86	Khu dân cư Thôn 3 (MBQH 1605/QĐ-UBND ngày 20/6/2016)	Xã Xuân Thọ	Xã Xuân Thọ	Huyện Triệu Sơn	0,14	0,14			
87	Khu dân cư thôn Lạc Trạch 2 (MBQH 912/QĐ-UBND ngày 30/3/2017)	Xã Đồng Lợi	Xã Đồng Lợi	Huyện Triệu Sơn	0,45	0,45			
88	Khu dân cư thôn Quần Nham 1 (MBQH 911/QĐ-UBND ngày 30/3/2017)	Xã Đồng Lợi	Xã Đồng Lợi	Huyện Triệu Sơn	0,5	0,5			
89	Điểm dân cư Quần Nham 1- cạnh Nhà máy may (MBQH 1081-QĐ-UBND ngày 10/4/2017)	Xã Đồng Lợi	Xã Đồng Lợi	Huyện Triệu Sơn	0,15	0,15			
90	Khu dân cư thôn Đồng Vinh 2 (MBQH 7867/QĐ-UBND ngày 19/12/2017)	Xã Đồng Tiến	Xã Đồng Tiến	Huyện Triệu Sơn	0,16	0,16			
91	Khu dân cư tại thôn 3,4,7 (MBQH 4760/QĐ-UBND ngày 31/12/2015)	Xã Thọ Tân	Xã Thọ Tân	Huyện Triệu Sơn	0,06	0,06			
92	Khu dân cư Thôn 2 (MBQH 910/QĐ-UBND ngày 30/3/2017)	Xã Hợp Thắng	Xã Hợp Thắng	Huyện Triệu Sơn	0,16	0,16			
93	Khu dân cư Thôn 5 (MBQH 5313/QĐ-UBND ngày 27/9/2017)	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	Huyện Triệu Sơn	0,56	0,56			
94	Khu dân cư Thôn 4 (MBQH 5312/QĐ-UBND ngày 27/9/2017)	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	Huyện Triệu Sơn	0,44	0,44			
95	Khu dân cư Thôn 6 (MBQH 2556/QĐ-UBND ngày 19/7/2016)	Xã Thọ Cường	Xã Thọ Cường	Huyện Triệu Sơn	0,12	0,12			
96	Khu dân cư Thôn 5 và Thôn 10 (MBQH 12218/QĐ-UBND ngày 01/12/2016)	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	Huyện Triệu Sơn	0,42	0,42			
97	Khu dân cư Thôn 1 (MBQH 2583/QĐ-UBND ngày 06/6/2017)	Xã Triệu Thành	Xã Triệu Thành	Huyện Triệu Sơn	0,71	0,71			
98	Khu dân cư thôn Thiện Chính và thôn Tiên Mộc (MBQH 4761/QĐ-UBND ngày 31/12/2015)	Xã Dân Lực	Xã Dân Lực	Huyện Triệu Sơn	0,085	0,085			
99	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Vinh (MBQH số 8193/QĐ-UBND ngày 26/5/2017)	UBND xã Đông Vinh	Xã Đông Vinh	Thành phố Thanh Hoá	2,451	2,023			0,428
100	Điểm dân cư Ngán Chùa, thôn 3	UBND xã Thiệu Vận	Xã Thiệu Vận	Huyện Thiệu Hóa	0,18	0,16			0,02
101	Điểm dân cư nông thôn Đồng Bằng thôn 2	UBND xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Lý	Thiệu Hóa	2,36	2,14			0,22
102	Điểm dân cư khu Đa Núi, thôn Đông Mỹ, xã Thiệu Duy	UBND xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	Huyện Thiệu Hóa	0,35	0,25			0,1
103	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Đất San, thôn Đồng Thanh	UBND xã Minh Tâm	Xã Minh Tâm	Huyện Thiệu Hóa	1,1507	1,01			0,1407
104	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Rọc Quả, thôn Đồng Tiến 1, xã Minh Tâm	UBND xã Minh Tâm	Xã Minh Tâm	Huyện Thiệu Hóa	0,84	0,84			
105	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Đất san, thôn Đồng Thanh, xã Minh Tâm	UBND xã Minh Tâm	Xã Minh Tâm	Huyện Thiệu Hóa	1,15	1,03			0,12
106	Điểm dân cư giáp đường Phú Anh - Cầu Vạn (Điểm dân cư nông thôn xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn)	Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn	Xã Đông Hòa	Huyện Đông Sơn	4,8996	3,6197			1,2799
107	Mở rộng trung tâm hành chính và điểm xen cư nông thôn xã Đông Phú	Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn	Xã Đông Phú	Huyện Đông Sơn	3,6	3,1			0,5
108	Điểm dân cư nông thôn thôn Thế Giới, thôn Thành Huy, thôn Hòa Bình, xã Đông Ninh (Phía Nam + Phía Bắc)	Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn	Xã Đông Ninh	Huyện Đông Sơn	4,3	3,7			0,6

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
114	Điểm dân cư nông thôn thôn Phú Bình	UBND huyện Đông Sơn	Xã Đông Phú	Huyện Đông Sơn	4,6212	4,0655			0,5557
III	Công trình, dự án giao thông								
1	Bến xe khách và khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thiên Phú	Công ty TNHH xây dựng khai thác khoáng sản Thiên Phú	TT Bến Sung	Huyện Như Thanh	1,6	0,477			1,123
2	Đường Bắc Nam 5 - giai đoạn 1 (đoạn nối từ ngã ba Đài truyền thanh huyện cũ đến nhà văn hóa tiểu khu Đông Hòa)	UBND huyện Nông Cống	Thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống	0,44	0,17			0,27
3	Mở rộng tuyến đường từ QL45 đi thôn Tân Sơn, xã Vạn Thắng	UBND xã Vạn Thắng	Xã Vạn Thắng	Huyện Nông Cống	1,58	1,36			0,22
4	Xây dựng đường nối từ khu dân cư mới đi TL505 xã Công Liêm	UBND xã Công Liêm	Xã Công Liêm	Huyện Nông Cống	1,06	1,05			0,01
5	Đường giao thông liên xã Vĩnh Hùng - Minh Tân - Vĩnh Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hùng, Minh Tân, Vĩnh Thịnh	Huyện Vĩnh Lộc	2,66	1,54			1,12
6	Đường giao thông từ QL45 đi trung tâm xã Vĩnh Khang (nay là xã Ninh Khang)	Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	Ninh Khang, Thị trấn Vĩnh	Huyện Vĩnh Lộc	0,29	0,29			
7	Chỉnh trang đô thị Ngọc Lặc (Hạng mục 04 tuyến đường giao thông)	UBND huyện Ngọc Lặc	TT Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc	23,45	3,9046			19,5454
8	Đường giao thông từ trung tâm xã Đồng Lộc đến ĐT.526 (xã Thành Lộc), huyện Hậu Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Xã Đồng Lộc, Thành Lộc	Huyện Hậu Lộc	3,4	3,1667			0,2333
9	Đường giao thông từ trung tâm xã Cầu Lộc đến đường ĐH.02 (đường Mỹ - Đồng), huyện Hậu Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Xã Thành Lộc, Cầu Lộc	Huyện Hậu Lộc	2,46	2,0326			0,4274
10	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh)-Cụm di tích đền Hân, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	UBND huyện Hà Trung	Xã Hà Lĩnh	Hà Trung	10,45	5,60			4,85
11	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Phiến Thôn, xã Cẩm Tân	UBND xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	Huyện Cẩm Thủy	0,1500	0,1500			
12	Dự án đường giao thông khu du lịch suối cá thần xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	UBND huyện Cẩm Thủy	Xã Cẩm Lương	Huyện Cẩm Thủy	3,47	0,7780			2,6920
13	Dự án đường giao thông Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217 huyện Cẩm Thủy	UBND huyện Cẩm Thủy	Thị trấn Phong Sơn	Huyện Cẩm Thủy	6,12	3,392			2,728
14	Đường giao thông từ cầu Sắt đi cầu Trắng và đi Trạm y tế xã Minh Tâm,	UBND xã Minh Tâm	Xã Minh Tâm	Huyện Thiệu Hóa	0,75	0,1916			0,5584
15	Thoát nước, lát đá vỉa hè QL45, đoạn từ cầu Thiệu Hóa đi cầu Thiệu Trung	Ban QLDA	Thị trấn Thiệu Hóa, Thiệu Trung	Thiệu Hóa	1,44	0,5446			0,8954
IV	Công trình, dự án cụm công nghiệp								
1	Cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà (bổ sung)	Công ty 36	Xã Thiệu Phú	Huyện Thiệu Hóa	0,14	0,14			
V	Công trình, dự án trụ sở cơ quan								
1	Công sở thị trấn Phong Sơn	UBND thị trấn	Thị trấn Phong Sơn	Huyện Cẩm Thủy	0,92	0,92			
VI	Công trình, dự án cơ sở văn hoá								
1	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Tân Đại	UBND xã Thăng Long	Xã Thăng Long	Huyện Nông Cống	0,18	0,11			0,07
2	Nhà văn hóa khu Tân Đồng	UBND Thị trấn Hậu Lộc	Thị trấn Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	0,15	0,15			
3	Nhà văn hóa thôn Thành Phú	UBND xã Thành Lộc	Xã Thành Lộc	Huyện Hậu Lộc	0,13	0,13			
4	Trung tâm văn hoá huyện	UBND huyện	Thị trấn Phong Sơn	Huyện Cẩm Thủy	4,926	4,48			0,446
5	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Đông Vinh, hạng mục: Sân vận động và các hạng mục khác.	UBND xã Đông Vinh	Xã Đông Vinh	Thành phố Thanh Hoá	0,85	0,8307			0,0193
VII	Công trình, dự án thể thao								
1	Sân thể thao xã	UBND xã Hoàng Hà	Xã Hoàng Hà	Huyện Hoàng Hóa	0,6301	0,6301			
2	Mở rộng nhà văn hóa thôn Tân Đại	UBND xã Thăng Long	Xã Thăng Long	Nông Cống	0,18	0,11			0,07
3	Xây dựng sân thể thao xã Nga Yên	UBND xã Nga Yên	Xã Nga Yên	Huyện Nga Sơn	1,3093	0,9111			0,3982

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RĐD	Các loại đất còn lại
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng cho giáo dục	UBND xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc	0,42	0,3894			0,0306
5	Sân thể thao xã Đồng Lộc	UBND xã Đồng Lộc	Xã Đồng Lộc	Huyện Hậu Lộc	1,6572	1,5			0,1572
IX	Công trình, dự án cơ sở y tế								
1	Xây dựng trạm y tế	UBND xã Phú Lộc	Xã Phú Lộc	Huyện Hậu Lộc	0,2	0,2			
X	Công trình, dự án năng lượng								
1	Đường dây và trạm biến áp 110KV khu công nghiệp Hoàng Long	Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Xã Hoàng Đồng, Xã Hoàng Đức	Hoàng Hóa	1,362	1,362			
2	Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV Ba Chè - Núi Một - Thành Phố	Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Xã Thiệu Trung	Thiệu Hóa	0,1404	0,1404			
3	Di chuyển và hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật đường điện phục vụ GPMB để thi công xây dựng dự án đường nối trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường cảng hàng không Thọ Xuân (tuyến 1)	UBND huyện	Xã Đồng Tiến, Đồng Thắng, Đồng Lợi	Huyện Triệu Sơn	0,7	0,65			0,05
4	Di chuyển và hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật đường điện phục vụ GPMB để thi công xây dựng dự án đường nối trung tâm thành phố Thanh Hóa đi cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nô hên đến tỉnh lộ 514.	UBND huyện	An Nông, Hợp Thắng, Hợp Thành, Khuyến Nông, Nông Trường, Thái Hòa, Văn Sơn	Huyện Triệu Sơn	0,65	0,6			0,05
5	Di chuyển và hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ GPMB để thi công xây dựng dự án đường nối trung tâm thành phố Thanh Hóa đi cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ tỉnh lộ 514 đến Cảng hàng không Thọ Xuân	UBND huyện	Hợp lý, Hợp Thành, Hợp Tiến, Thọ Sơn, Thọ Tiến	Huyện Triệu Sơn	0,59	0,53			0,06
XI	Công trình, dự án nghĩa trang nghĩa								
1	Mở rộng nghĩa trang nghĩa địa cồn ông Kia	UBND xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc	0,2700	0,2536			0,0164
XII	Công trình, dự án dịch vụ công cộng								
1	Quy hoạch khuôn viên cây xanh	UBND xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc	1,7	0,9785			0,7215
XIII	Công trình, dự án cơ sở giáo dục								
1	Trường Mầm non Nam Ngạn	Công ty Cổ phần 688	Phường Nam Ngạn	Thành phố Thanh Hóa	0,419	0,393			0,026
2	Trường Mầm non Mùa Xuân	Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Trường Xuân-CTCP	Phường Đông Tân	Thành phố Thanh Hoá	0,992	0,81			0,182
XIV	Công trình, dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và sản xuất chế biến nông lâm, thủy, hải sản tập trung								
*	Công trình, dự án nông nghiệp khác								
1	Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công	Công ty TNHH Chăn nuôi Cẩm Châu	Xã Cẩm Châu	Huyện Cẩm Thủy	6,0	0,182			5,818
2	Khu liên hợp sản xuất chăn nuôi công nghệ cao Thanh Hoá I	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hoá I	Xã Minh Tiến	Huyện Ngọc Lặc	65,1	9,999			55,101
3	Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái ngoại sinh sản công nghệ cao, quy mô 5.000 con/lứa	Công ty cổ phần chăn nuôi Phong Sơn	Cẩm Quý	Huyện Cẩm Thủy	2,35		2,35		
*	Dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thương mại								
4	Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, trạm trộn bê tông, chế biến đá ốp lát	Công ty Cổ phần Tổng hợp Hoàng Hải	Xã Đông Vinh	Thành phố Thanh Hóa	2,19	2,14			0,05
5	Cửa hàng xăng dầu Quang Trung	Công ty TNHH dầu dịch vụ thương mại Long Hưng	Xã Quang Trung	Bim Sơn	0,113	0,104			0,009

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)			
						LUA	RPH	RDD	Các loại đất còn lại
6	Cửa hàng xăng dầu Hà Long	Công ty TNHH đầu dịch vụ thương mại Long Hưng	Xã Hà Long	Huyện Hà Trung	0,292	0,292			
7	Cửa hàng xăng dầu Dân Lực	Công ty TNHH đầu tư Tín Nghĩa	Xã Dân Lực	Huyện Triệu Sơn	0,194	0,194			
8	Dự án Nhà máy chế biến nông sản chất lượng cao VINAGREEN tại xã Dân Quyền và thị trấn Triệu Sơn	Công ty cổ phần đầu tư phát triển VINAGREEN	Xã Dân Quyền và Thị trấn Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn	6,4805	6,2312			0,2493
9	Cửa hàng xăng dầu và Khu thương mại Hùng Sơn	Công ty cổ phần Tập đoàn Hùng Sơn	Thị trấn Rừng Thông	Huyện Đông Sơn	0,5577	0,5512			0,0065
10	Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam	Công ty TNHH May Thiên Nam	Xã Hà Đông	Huyện Hà Trung	0,2004	0,2004			
11	Khu thương mại và dịch vụ Hoàng Sơn	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Hoàng Sơn	Phường Quảng Cư	Thành phố Sầm Sơn	0,38	0,2644			0,1156
12	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên, huyện Triệu Sơn	Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Thái Yên	Xã Thái Hoà	Huyện Triệu Sơn	4,786	4,392			0,394

Phu lục số 4:**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 1, NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)	Đối tượng rừng		
						RSX (ha)	RPH (ha)	RDD (ha)
	Tổng cộng				52,742	50,392	2,35	
1	Dự án Nhà máy nhiệt điện Công Thanh tại xã Hải Yến, thị xã Nghị Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần nhiệt điện Công Thanh	Hải Yến	Thị xã Nghị Sơn	0,68	0,68		
2	Cửa hàng xăng dầu Tam Chung	Công ty Cổ phần Tập đoàn Miền núi	Tam Chung	Huyện Mường Lát	0,192	0,192		
3	Xây dựng công trình Khai thác mỏ đất san lấp	Công ty TNHH Định An	Xuân Phúc	Huyện Như Thanh	17,7	17,7		
4	Xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	Trường Lâm	Thị xã Nghị Sơn	5,56	5,56		
5	Trang trại chăn nuôi công nghiệp tập trung Xuân Hòa	Công ty cổ phần Lam Sơn Như Xuân	Xuân Hòa	Huyện Như Xuân	2,6	2,6		
6	Nhà máy bê tông thương phẩm, cầu kiện và sửa chữa cơ giới CMC Hà Nội.	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng CMC Hà Nội	Hải Thượng	Thị xã Nghị Sơn	2,3	2,3		
7	Trang trại chăn nuôi ECO - Thanh Sơn	Công ty TNHH Star Farming	Tân Bình	Huyện Như Xuân	4,4	4,4		
8	Xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hải Phát	Tân Trường	Thị xã Nghị Sơn	3,27	3,27		
9	Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái ngoại sinh sản công nghệ cao, quy mô 5.000 con/lứa	Công ty cổ phần chăn nuôi Phong Sơn	Cầm Quý	Huyện Cầm Thủy	2,6	0,25	2,35	
10	Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất giống cây trồng	Công ty TNHH công nghệ xanh G8	Thanh Xuân	Huyện Như Xuân	13,44	13,44		

Phu lục số 5:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA CHẤP THUẬN THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 1, NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
	Tổng cộng:	286,259			
I	Công trình, dự án giao thông	102,9001			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ xã Yên Trung đi xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0,09	DGT	Yên Trung, Yên Thọ	Huyện Yên Định
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông từ Km39+420/ĐT.516B đi đê tả sông Cầu Chày (thôn Đa Ngọc, xã Yên Phú), huyện Yên Định	0,14	DGT	Xã Yên Phú	Huyện Yên Định
3	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Đông An từ Quốc lộ 1A đi xã Hoằng Hợp, huyện Hoằng Hóa	0,33	DGT	Xã Hoằng Hợp	Huyện Hoằng Hoá
4	Nâng cấp cải tạo đường giao thông Hoằng Kim - Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa	18,8	DGT	Hoằng Kim, Hoằng Phú, Hoằng Hợp, Hoằng Quý	Huyện Hoằng Hoá
5	Mở rộng đường giao thông vào khu nghĩa địa thuộc xứ đồng Ao Làng thôn Khang Bình	0,2	DGT	Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
6	Mở rộng đường giao thông vào khu nghĩa địa thuộc xứ đồng Lăng Trong thôn Yên Vực	0,2	DGT	Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
7	Mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến Trung tâm Hành chính - Văn hóa xã Quảng Chính	0,54	DGT	Xã Quảng Chính	Huyện Quảng Xương
8	Đường giao thông Quảng Định - Quảng Lưu, huyện Quảng Xương	38,7	DGT	Quảng Định, Quảng Đức, Quảng Lưu, Quảng Nhân	Huyện Quảng Xương
9	Bến hỗn hợp phía Bắc thành phố Sầm Sơn	3,8	DGT	Phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
10	Cải tạo và nâng cấp đường Trần Bình Trọng phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn	0,05	DGT	Phường Quảng Tiến	Thành phố Sầm Sơn
11	Nâng cấp cải tạo đường Lê Thành Tông (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến Quốc lộ 47) thành phố Sầm Sơn, chiều dài tuyến 490, quy hoạch rộng lên 43m,	2,107	DGT	Phường Trung Sơn; Phường Bắc Sơn	Thành phố Sầm Sơn
12	Tuyến đường Đại lộ Nam Sông Mã (đoạn từ đường bộ ven biển đến đường Trần Nhân Tông), thành phố Sầm Sơn	0,8	DGT	Phường Quảng Tiến	Thành phố Sầm Sơn
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu phố Khang Thái, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn	0,6560	DGT	Phường Quảng Thọ	Thành phố Sầm Sơn
14	Cải tạo, mở rộng nút giao đường Nguyễn Du - Lê Thánh Tông, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn	0,0175	DGT	Phường Bắc Sơn, Phường Trung Sơn	Thành phố Sầm Sơn
15	Tuyến đường Quảng Thọ (đoạn từ QL47 đến Đại lộ Nam sông Mã), thành phố Sầm Sơn	3,28	DGT	Phường Quảng Thọ	Thành phố Sầm Sơn

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
16	Nút giao đường Phạm Hồng Thái với đường nội bộ trong khu dân cư Nam chợ Cột Đỏ, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn	0,061	DGT	Phường Trường Sơn	Thành phố Sầm Sơn
17	Nâng cấp mở rộng đường giao thông kết nối từ đường Bà Triệu tiểu khu Thái Hòa đi tuyến đê tả sông Yên tiểu khu Vũ Yên, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống	1,75	DGT	Thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống
18	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tiểu khu Tập Cát, tiểu khu Lê Xá 1, tiểu khu Vũ Yên, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống	1,76	DGT	Thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống
19	Tuyến đường Đông Tây 1 và Bắc Nam 2 thuộc quy hoạch khu hành chính mới của huyện	1,12	DGT	Thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống
20	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ ngã ba Bất Nộ, xã Trường Trung đi xã Trường Giang	0,24	DTL	Trường Giang, Trường Trung	Huyện Nông Cống
21	Đường cứu hộ, cứu nạn đê hữu sông Hoạt, xã Nga Thắng	1,5	DGT	Xã Nga Thắng	Huyện Nga Sơn
22	Đường giao thông vào khu trang trại xã Vĩnh Hòa	0,14	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
23	Đường giao thông từ thôn Lợi Chấp đi quốc lộ 217	0,36	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
24	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi thôn Nghĩa Kỳ (đoạn Núi Mọn từ Trạm điện đến công sở xã Vĩnh Hòa)	0,26	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
25	Chỉnh trang đô thị Ngọc Lặc (Hạng mục 04 tuyến đường giao thông)	5,45	DGT	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
26	Đường giao thông từ trung tâm xã Cầu Lộc đến đường ĐH.02 (đường Mỹ - Đồng), huyện Hậu Lộc	0,6	DGT	Xã Thành Lộc, Cầu Lộc	Huyện Hậu Lộc
27	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ khu tái định cư đi đến đường 522B	0,89	DGT	Xã Hà Lĩnh	Huyện Hà Trung
28	Đường QL 217B đi tỉnh lộ 522B tránh khu di tích Lăng miếu Triệu Tường	0,25	DGT	Xã Hà Long	Huyện Hà Trung
29	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương huyện Hà Trung	6,342	DGT	Xã Hà Tân, xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
30	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn	4,45	DGT	Thị trấn Hà Trung, xã Hà Bình, Yên Dương, Hoạt Giang	Huyện Hà Trung
31	Đường giao thông từ khu đô thị Gũ xã Lĩnh Toại đi cầu Báo Văn xã Hà Hải, huyện Hà Trung	0,195	DGT	Xã Lĩnh Toại, xã Hà Hải	Huyện Hà Trung
32	Tuyến đường gom khu dân cư mới phía Tây đường sắt xã Yên Dương, huyện Hà Trung	1,8826	DGT	Xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
33	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Từ, phường Lam Sơn	0,01	DGT	Phường Lam Sơn	Thành phố Thanh Hoá

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
34	Đường Lê Thành, phường Đông Cương	1,159	DGT	Phường Đông Cương	Thành phố Thanh Hoá
35	Đường giao thông từ cầu Thắng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A xã Quảng Bình	2,0	DGT	xã Quảng Bình, xã Quảng Ngọc	Huyện Quảng Xương
36	Mở rộng đường giao thông từ Trạm Y tế đi công làng thôn Thái Khang	0,2	DGT	Xã Thiệu Hòa	Huyện Thiệu Hoá
37	Mở mới tuyến đường từ Đồng Ngõ đi thôn Triệu xá 2 rộng 17,5m, dài 500m	0,87	DGT	Xã Đông Tiến	Huyện Đông Sơn
38	Mở mới tuyến đường từ UBND xã Đông Thanh đi đường gom cao tốc Bắc Nam	1,4	DGT	Xã Đông Tiến	Huyện Đông Sơn
39	Mở rộng đường giao thông từ hộ anh Hải (Lan) thôn Dân Ái đi UBND xã, từ UBND xã đi thôn Dân Hòa	0,3	DGT	Xã Thiệu Hòa	Huyện Thiệu Hoá
II	Dự án công trình thủy lợi	22,7			
1	Kênh tưới xã Yên Trung - Yên Tâm, huyện Yên Định	0,32	DTL	Yên Trung, Yên Tâm	Huyện Yên Định
2	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đập Rọc Phường, xã Công Chính	1,07	DTL	Xã Công Chính	Huyện Nông Cống
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê hữu sông Nhôm đoạn K20+920 - K24+100 huyện Nông Cống	1,3	DTL	Xã Tế Lợi	Huyện Nông Cống
4	Nâng cấp hồ Đồng Đông, xã Công Liêm	1,03	DTL	Xã Công Liêm	Huyện Nông Cống
5	Chỉnh trang đô thị Ngọc Lặc (Hạng mục Kè sông Cầu Chày)	18,98	DTL	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
III	Công trình, dự án cụm công nghiệp	115,85			
1	Cụm Công nghiệp Vạn Thắng- Yên Thọ thuộc huyện Nông Cống và huyện Như Thanh	0,41	SKN	Xã Yên Thọ	Huyện Như Thanh
2	Cụm công nghiệp Cầu Quan	55,3	SKN	Xã Trung Chính, xã Hoàng Sơn	Huyện Nông Cống
3	Cụm Công nghiệp Quảng Yên, huyện Quảng Xương	60,0	SKN	Xã Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
4	Cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà (bổ sung)	0,14	SKN	Xã Thiệu Phú	Huyện Thiệu Hoá
IV	Công trình, dự án cơ sở thể dục, thể thao	2,7213			
1	Dự án sân thể thao thôn Trạch Khang	0,4	DTT	Xã Xuân Khang	Huyện Như Thanh
2	Cải tạo nâng cấp Sân vận động xã Phụng Nghi	0,387	DTT	Xã Phụng Nghi	Huyện Như Thanh
3	Sân vận động xã Vĩnh An	1,0909	DTT	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc
4	Khu thể thao thôn 3, xã Vĩnh An	0,2834	DTT	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc
5	Khu thể thao thôn 9 xã Vĩnh An	0,35	DTT	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc
6	Sân thể thao thôn Xuân Tiên	0,21	DDT	Xã Dân Lực	Huyện Triệu Sơn



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
V	Công trình, dự án văn hóa	1,6391			
1	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Việt Trung	0,11	DVH	Xã Quảng Giao	Huyện Quảng Xương
2	Mở rộng Nhà văn hóa thôn 6	0,04	DVH	Xã Quảng Giao	Huyện Quảng Xương
3	Mở rộng Nhà văn hóa thôn 7	0,05	DVH	Xã Quảng Giao	Huyện Quảng Xương
4	Nhà văn hóa thôn Tân Luật	0,34	DVH	Xã Công Chính	Huyện Nông Cống
5	Xây dựng đài tưởng niệm xã Thăng Bình	0,1	DVH	Xã Thăng Bình	Huyện Nông Cống
6	Nhà văn hóa tiểu khu Nam Giang	0,3	DVH	Thị trấn Nông Cống	Huyện Nông Cống
7	Xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Vĩnh Long	0,1237	DVH	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh lộc
8	Nhà Văn hóa thôn Đông Môn, xã Vĩnh Long	0,2354	DVH	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh lộc
9	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Vĩnh Phúc	0,09	DVH	Xã Vĩnh Phúc	Huyện Vĩnh lộc
10	Nhà văn hoá thôn Xuân Tiên	0,25	DVH	Xã Dân Lực	Huyện Triệu Sơn
VI	Công trình, dự án cơ sở y tế	1,3			
1	Trạm y tế xã Ninh Khang	0,3	DYT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
2	Xây dựng trạm y tế Thị trấn Hậu Lộc	1,0	DYT	Thị trấn Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc
VII	Công trình, dự án giáo dục và đào tạo	6,7948			
1	Xây dựng Trường Mầm non Quảng Hải	0,84	DGD	Xã Quảng Hải	Huyện Quảng Xương
2	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định	1,5	DGD	Thị trấn Quý Lộc	Huyện Yên Định
3	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Khang	0,71	DGD	Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
4	Trường mầm non Vĩnh Hưng	1,5	DGD	Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh lộc
5	Mở rộng trường Mầm non Vĩnh Minh xã Minh Tân	0,1988	DGD	Minh Tân	Huyện Vĩnh lộc
6	Mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học khu trung tâm tại thôn Cầu- xã Bãi Trành	1,119	DGD	Xã Bãi Trành	Huyện Như Xuân
7	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Thanh Xuân	0,257	DGD	Xã Thanh Xuân	Huyện Như Xuân
8	Mở rộng trường Trung học cơ sở xã Phùng Giáo	0,07	DGD	Xã Phùng Giáo	Huyện Ngọc Lặc
9	Xây dựng mới Trường tiểu học Tam Thanh	0,6	DGD	Xã Tam Thanh	Huyện Quan Sơn
VIII	Công trình, dự án di tích lịch sử - văn hoá	19,1039			
1	Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khu căn cứ Khởi nghĩa Ba Đình	4,0	DDT	Xã Ba Đình	Huyện Nga Sơn
2	Bảo tồn, tôn tạo di tích đền thờ Mai An Tiêm	15,0	DDT	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
3	Mở rộng, tôn tạo di tích lịch sử Nghinh môn thời lý xã Hoa Lộc	0,1039	DDT	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc
IX	Công trình, dự án xử lý chất thải	9,995			
1	Nhà máy xử lý nước thải tập trung thành phố Sầm Sơn (Giai đoạn 1)	5,0	DRA	Phường Quảng Châu	
2	Bãi đổ thải đường ven biển và đường Long Sơn	4,995	DRA	Xã Nga Tân	Huyện Nga Sơn
X	Công trình, dự án nghĩa trang, nghĩa địa	3,2548			
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Khang Bình	0,5	NTD	Xã Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Yên Vực	0,5	NTD	Xã Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
3	Nghĩa địa thôn Trung Thành	0,55	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
4	Nghĩa địa thôn Thanh Lãng	0,4	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
5	Nghĩa địa thôn Phương Phú	0,4	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
6	Nghĩa địa thôn Hậu Trạch	0,6	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
7	Mở rộng nghĩa địa thôn Cẩm Bào, xã Vĩnh Long	0,3048	NTD	Vĩnh Long	Huyện Vĩnh Lộc



Phu lục số 6:

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG CHẤP THUẬN THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÔNG SƠN ĐỢT 1, NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
	Tổng cộng:	68,9255			
I	Công trình, dự án khu dân cư đô thị	18,1739			
1	Khu dân cư mới Đồng Nhượng (Khu C)	2,0 1,4	ODT DGT	Thị trấn Rừng Thông	Huyện Đông Sơn
2	Khu dân cư mới (OM-42;MO-43;OM44)	3,0885 0,3093 1,852	ODT DKV DGT	Thị trấn Rừng Thông	Huyện Đông Sơn
3	Khu dân cư mới thị trấn Rừng Thông (OM-17, CX7)	0,8534 0,9128 2,7477	ODT DKV DHT	Thị trấn Rừng Thông	Huyện Đông Sơn
4	Khu dân cư mới OM 4, OM11	2,2981 0,3926 0,081 2,2385	ODT DKV DVH DGT	Thị trấn Rừng Thông	Huyện Đông Sơn
II	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn	50,7516			
1	Điểm dân cư Đồng Nếp thôn Phúc Triền 1 (Điểm xen cư nông thôn Đồng Nếp, thôn Phúc Triền 1, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa)	0,5519 0,0887 0,5194	ONT DKV DGT	Xã Đông Thanh	Huyện Đông Sơn
2	Điểm dân cư thôn Viên Khê 1	0,343 1,0006	ONT DGT	Xã Đông Khê	Huyện Đông Sơn
3	Điểm dân cư Đồng Ná thôn Văn Bắc (GD1 + GD2) (Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Văn Bắc, xã Đông Văn huyện Đông Sơn)	0,9874 1,0	ONT DGT	Xã Đông Văn	Huyện Đông Sơn
4	Điểm dân cư nông thôn Văn Thắng, xã Đông Văn, thôn Chiêu Thượng, xã Đông Phú	4,0352 0,4203 0,6508 4,8347	ONT DVH DKV DGT	Xã Đông Văn	Huyện Đông Sơn
5	Điểm dân cư phía Đông trường PTTH Đông Sơn 2	5,1795 0,1645 0,7197 0,3481 6,3709	ONT DVH DKV DGD DGT	Xã Đông Văn	Huyện Đông Sơn

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
6	Điểm dân cư xã Đông Thịnh cạnh đường nối tỉnh lộ 517 đi bệnh viện Đông Sơn (Điểm xen cư nông thôn, thôn Ngọc Lậu, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn)	0,28	ONT	Đông Thịnh	Huyện Đông Sơn
7	Điểm dân cư nông thôn xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn	0,8	ONT	Xã Đông Hòa	Huyện Đông Sơn
		1,0996	DGT		
8	Điểm dân cư nông thôn giáp chùa Thạch Khê	0,0571	ONT	Xã Đông Khê	Huyện Đông Sơn
		2,6437	DGT		
9	Điểm dân cư nông thôn thôn Thế Giới, thôn Thành Huy, thôn Hòa Bình, xã Đông Ninh (Phía Nam + Phía Bắc)	2,0	ONT	Xã Đông Ninh	Huyện Đông Sơn
		2,2797	DGT		
10	Điểm dân cư nông thôn thôn Phú Bình	2,0	ONT	Xã Đông Phú	Huyện Đông Sơn
		2,8627	DGT		
11	Khu dân cư mới Đối diện công ty thái Long, thôn hiệp khởi, triệu xá, xã Đông Tiến (Hạ tầng khu dân cư mới đối diện công ty Thái Long, thôn Hiệp Khởi thôn Triệu xá, xã Đông Tiến huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa)	0,9001	ONT	Xã Đông Tiến	Huyện Đông Sơn
		0,2852	DKV		
		0,002	DVH		
		0,4547	DCH		
		3,8655	DGT		
12	Điểm dân cư thôn Đại Từ và chợ (giáp Chợ xã Đông Thịnh cũ)	1,555	ONT	Xã Đông Thịnh	Huyện Đông Sơn
		1,719	DGT		
		0,5426	DCH		
		0,19	DKV		

Phụ lục số 7:

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA CHẤP THUẬN THU HỒI ĐẤT
THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 1, NĂM 2022**

(Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa xem xét, cho ý kiến)

*(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Công trình, dự án	Diện tích đất cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện
	Tổng cộng:	45,799			
I	Công trình, dự án khu dân cư đô thị	20,179			
1	Khu dân cư Hồ Thanh Niên	4,006 0,4728 9,3839 6,3163	ODT TMD DKV DGT	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
II	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn	13,9			
1	Khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hoàng Giang	2,0000	ONT	Xã Hoàng Giang	Huyện Nông Cống
2	Khu dân cư thôn Thanh Liêm	2,0000	ONT	Xã Hoàng Sơn	Huyện Nông cống
3	Khu dân cư thôn Thanh Ban, thôn Đồng Thọ, xã Vạn Hòa (Giai đoạn 1)	2,0000	ONT	Xã Vạn Hòa	Huyện Nông Cống
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và tái định cư phục vụ các dự án của Tập đoàn BRG làm chủ đầu tư và các dự án của huyện tại xã Quảng Nham, Quảng Thạch	2,99 4,34 0,57	ONT ONT ONT	Xã Quảng Nham	Huyện Quảng Xương
III	Công trình, dự án thủy lợi	11,72			
1	Xây dựng mới Trạm bơm Yên Tôn, xã Vĩnh Quang	11,72	DTL	Xã Vĩnh Quang, Vĩnh Yên	Huyện Vĩnh Lộc

Phu lục số 8:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 1, NĂM 2022****(Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa xem xét, cho ý kiến)***(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)	
						Lúa	Các loại đất còn lại
	Tổng cộng:				13,2321	14,5042	2,8059
I	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn				11,6547	10,1968	1,4579
1	Đầu giá khu dân cư thôn Vân Hoà	UBND xã Cát Vân	Xã Cát Vân	Huyện Như Xuân	0,1662	0,1662	
2	Đầu giá khu dân cư thôn Cát Xuân	UBND xã Cát Tân	Xã Cát Tân	Huyện Như Xuân	0,5909	0,5909	
3	Đầu giá khu dân cư thôn Cát Lợi	UBND xã Cát Tân	Xã Cát Tân	Huyện Như Xuân	0,6418	0,5949	0,0469
4	Điểm dân cư Đồng Trổ Đồng Ngang thôn 1, thôn 2	UBND huyện Đông Sơn	Xã Đông Minh	Huyện Đông Sơn	9,6	8,8276	0,7724
5	Đầu giá khu dân cư thôn Thanh Xuân	UBND xã Hoá Quý	Xã Hoá Quý	Huyện Như Xuân	0,6558	0,0172	0,6386
II	Công trình, dự án giao thông				1,22	1,21	0,01
1	Đường giao thông trong dự án Trung tâm văn hóa thể thao huyện	UBND huyện Triệu Sơn	Xã Minh Sơn, thị trấn Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn	1,22	1,21	0,01
III	Công trình, dự án chợ				0,3574	0,3574	
1	Dự án xây dựng mới chợ Giao Thiện	UBND xã Giao Thiện	Xã Giao Thiện	Huyện Lang Chánh	0,3574	0,3574	
IV	Công trình, dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và sản xuất chế biến nông lâm, thủy, hải sản tập trung				4,078	2,74	1,338
1	Xưởng sản xuất kinh doanh giày da, may mặc gia công tổng hợp	Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Thịnh Phát	Xã Nga Yên	Huyện Nga Sơn	2,059	1,66	0,399
2	Nhà máy sản xuất bao bì carton	Công ty TNHH giấy bao bì Thanh Sơn	Xã Yên Thái	Huyện Yên Định	1,223	0,39	0,833
3	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ	Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại Hoàng Minh Vũ	Xã Đông Tân	Thành phố Thanh Hóa	0,796	0,69	0,106

Phu lục số 9:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 1, NĂM 2022****(Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa xem xét, cho ý kiến)***(Kèm theo Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)	Đối tượng rừng		
						RSX (ha)	RPH (ha)	RDD (ha)
	Tổng cộng				64,32	64,32		
1	Nhà máy sản xuất nước trái cây tại xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc.	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Xã Ngọc Liên	Huyện Ngọc Lặc	5,61	5,61		
2	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2.	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Xã Minh Tiến, Nguyệt Ấn	Huyện Ngọc Lặc	20,97	20,97		
3	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3.	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 3	Xã Minh Tiến, Nguyệt Ấn	Huyện Ngọc Lặc	32,35	32,35		
4	Dự án Xây dựng công trình khai thác mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi	Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Thịnh Phát	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh Lộc	4,7	4,7		
5	Bến xe khách và khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thiên Phú.	Công ty TNHH Xây dựng và khai thác khoáng sản Thiên Phú	Thị trấn Bến Sung	Huyện Như Thanh	0,69	0,69		